

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2014**

Giấy phép HDKDCK số: 105/UBCK-GP do: UBCK cấp ngày 25/03/2009

Địa chỉ trụ sở: Lầu 1, 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3821 0678 Fax: (84-8) 3821 8138

Website: [www.hobase.vn](http://www.hobase.vn)

## MỤC LỤC

### Nội dung

#### I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

#### II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
  - Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành
  - Những thay đổi trong điều hành
  - Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
  - 1.1 Môi trường kinh doanh năm 2013
  - 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch
  - 1.3 Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận

- 1.4 Những tiến bộ công ty đã đạt được
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của BGD công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### **V. Quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### **VI. Báo cáo tài chính**

1. Ý kiến kiểm toán
  - a. Kiểm toán độc lập
  - b. Kiểm toán nội bộ
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

### NĂM 2014

#### I. THÔNG TIN CHUNG:

##### 1. Thông tin khái quát:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng
- Tên giao dịch viết tắt: HBSC
- Giấy phép HĐKDCK số: 105/UBCK-GP do: UBCKNN cấp ngày 25/03/2009.
- Giấy phép điều chỉnh số: 26/GPĐC-UBCK do: UBCKNN cấp ngày 11/06/2013.
- Giấy phép điều chỉnh số: 40/GPĐC-UBCK do: UBCKNN cấp ngày 05/09/2013.
- Giấy phép điều chỉnh số: 12/GPĐC-UBCK do: UBCKNN cấp ngày 11/02/2015
- Vốn điều lệ: 50.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
- Điện thoại: (84-8) 3821 0678                      Fax: (84-8) 3821 8138
- Website: [www.hobase.vn](http://www.hobase.vn)

##### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

- *Những sự kiện quan trọng:*
- Ngày 25 tháng 03 năm 2009: Nhận giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với 02 nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tư vấn Tài chính và Đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

- Ngày 09 tháng 10 năm 2009: Công ty trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK.
  - Ngày 29 tháng 12 năm 2009: Là thời điểm đánh dấu cột mốc quan trọng của Công ty Chứng khoán Hồng Bàng chính thức trở thành thành viên thứ 100 của Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM theo Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM và là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty.
  - Ngày 05 tháng 01 năm 2010: Công ty chính thức trở thành thành viên thứ 99 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 04/QĐ-SGDHN.
  - Ngày 11 tháng 06 năm 2013: Công ty di dời trụ sở chính đến: Lầu 1, 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM theo giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
  - Ngày 05 tháng 09 năm 2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) theo giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
- *Tình hình hoạt động:*
- Được định hướng chuyên nghiệp ngay từ khi bắt đầu thành lập, HBSC có nhiều lợi thế trong việc chọn lọc và áp dụng những thành tựu công nghệ tiên tiến hiện có trên thị trường. HBSC đã triển khai và cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tiên tiến như: Pro-text, Pro-call, Pro-Trade, Pre-Open, Pro-Remit, Pro-Balance.....
  - Với thế mạnh là các giải pháp dịch vụ toàn diện, linh hoạt và phù hợp với yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng, cùng đội ngũ nhân sự trẻ và chuyên nghiệp, HBSC đang nỗ lực hết mình để trở thành một đối tác trung thực, chuyên nghiệp và hiệu quả trong lĩnh vực tài chính.
  - HBSC tin rằng lợi ích, sự tồn tại và phát triển của công ty phụ thuộc vào những giá trị lợi ích mà công ty mang lại cho khách hàng. HBSC cam kết với mục tiêu không chỉ cung cấp các dịch vụ tốt nhất, mà phải là những dịch vụ dựa trên sự

thấu hiểu nhu cầu và mong muốn của khách hàng và nhà đầu tư nhằm tạo giá trị lợi nhuận cao nhất.

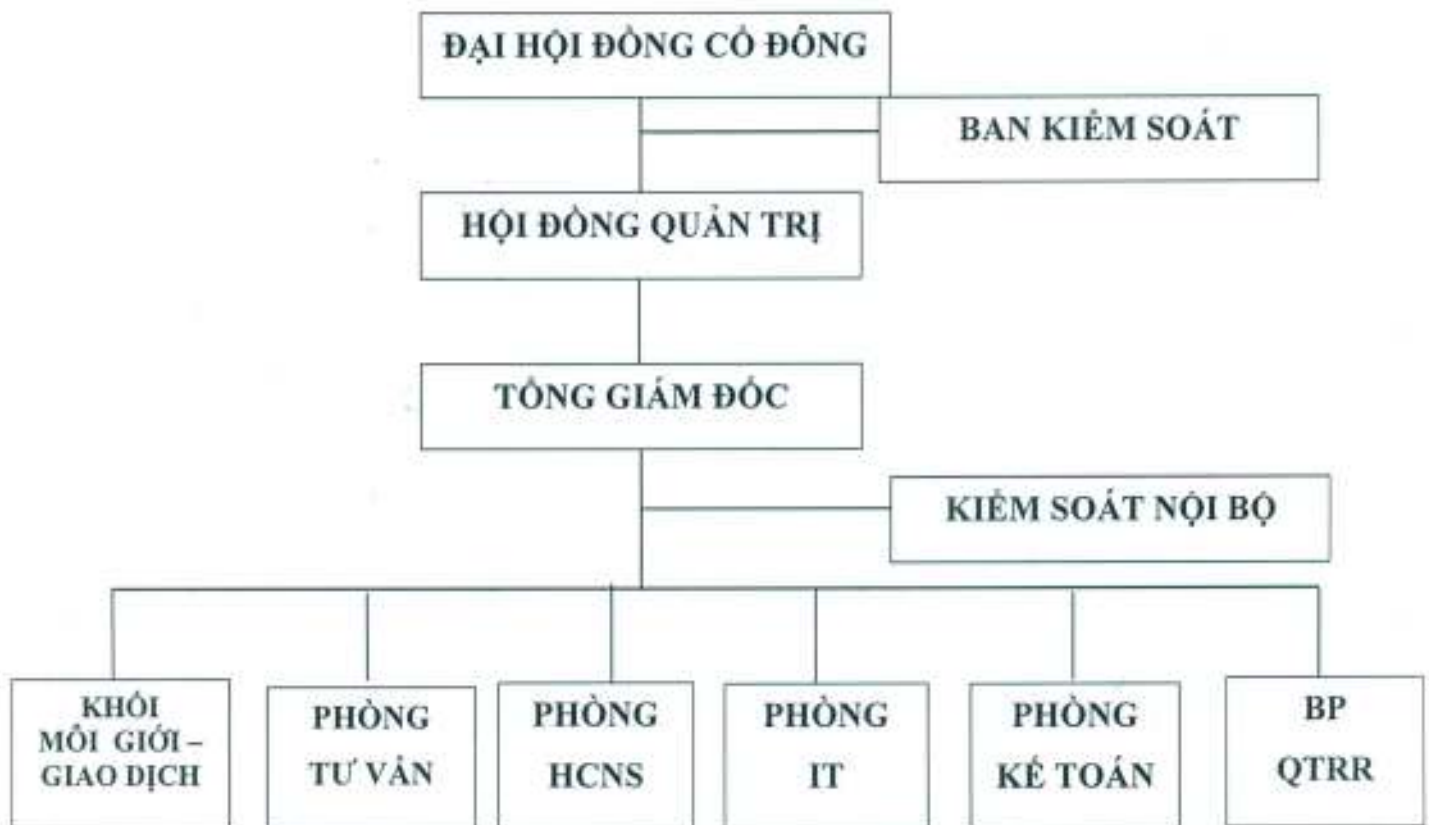
**3. Ngành nghề:**

Công ty cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (HBSC) kinh doanh chứng khoán với các loại hình nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Cơ cấu tổ chức của công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

## 5. Định hướng phát triển:

### *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng phát triển trở thành công ty môi giới chứng khoán với trọng tâm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng, mang lại lợi ích cao nhất và bền vững cho khách hàng, công ty và cho đối tác.

### *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

Tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường cho thấy có nhiều tín hiệu tích cực, tuy chưa mạnh mẽ nhưng cũng là điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.

Trên quan điểm tích cực và quyết tâm nắm bắt cơ hội trong tương lai, HĐQT công ty Chứng khoán Hồng Bàng đã thảo luận và quyết định cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi tiêu nhưng vẫn tiếp tục đầu tư trọng điểm phát triển công ty qua các trọng tâm sau:

#### • *Chiến lược về tổ chức:*

- Hoàn thành việc Chuyển trụ sở chính ra Hà Nội với vị trí kinh doanh thuận tiện, đổi tên công ty và chuyển hội sở chính hiện nay thành chi nhánh.
- Thay đổi cấu trúc về tổ chức, chính sách, quản lý cho phù hợp;
- Giữ lại các nhân viên chủ chốt và tâm huyết công hiến, đóng góp cho hoạt động chung của công ty.
- Thành lập và Quản lý theo các khối: Khối Dịch vụ chứng khoán, Khối Đầu tư, Khối Kế toán, nhân sự - Hành chính, Khối pháp chế, Quản trị rủi ro – Kiểm soát nội bộ và khối Công nghệ thông tin.
- Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, chính sách lương thưởng, hoa hồng cho khối Dịch vụ chứng khoán và Khối đầu tư.

#### • *Chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ và khách hàng:*

- Tổ chức lại hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư nhằm thường xuyên, chủ động trong việc chăm sóc khách hàng cũ và phát triển khách hàng mới.



- Đưa thêm nhiều sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng tăng nguồn thu như margin (sau khi công ty được đưa ra khỏi diện KSDB), ứng trước và các sản phẩm tài chính khác.
  - Đưa ra các chính sách ưu đãi nhằm giữ chân các khách hàng cũ của công ty, thu hút các khách hàng của công ty khác và tư vấn khách hàng mới về giao dịch tại công ty từng bước mở rộng thị phần.
  - Tổ chức lại hoạt động tư vấn đầu tư hướng chuyên nghiệp.
  - Xây dựng chính sách cạnh tranh không xa rời quản trị rủi ro nhằm thu hút và khuyến khích nhân sự giỏi làm việc hiệu quả và có đạo đức nghề nghiệp.
  - Tăng cường các hoạt động đối ngoại, PR, marketing nâng cấp thương hiệu và giữ gìn hình ảnh công ty với đối tác và nhà đầu tư.
  - Tiếp tục cải tiến chất lượng các sản phẩm tư vấn, phân tích thị trường, phân tích doanh nghiệp nhằm thông tin kịp thời và hiệu quả cho khách hàng, doanh nghiệp v.v...
  - Cấu trúc danh mục đầu tư, hợp tác theo đúng định hướng dài hạn, quản lý chặt chẽ, thực hiện một cách thận trọng, đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- **Chiến lược nhân sự:**
    - HBSC xác định việc phát triển nguồn nhân lực là nhân tố quyết định đến sự thành công trong tương lai của Công ty. Mục tiêu xây dựng bộ máy nhân sự tận tâm, nhiệt huyết với trình độ chuyên môn cao được đào tạo bài bản và mang tính chuyên nghiệp luôn là yếu tố chính trong chiến lược nhân sự của HBSC.
    - Chính sách đối với người lao động được duy trì và phát triển theo hướng tích cực, cán bộ nhân viên được hưởng lương cơ bản, lương kinh doanh, phụ cấp quản lý. Tổ chức các hoạt động tập thể nhằm tăng cường đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau, các hoạt động thăm hỏi hiếu hỷ... được đảm bảo.
    - Xây dựng văn hóa công ty, tạo môi trường tốt cho cán bộ nhân viên. Ban điều hành, ban giám đốc mới đều là những người có nhiều kinh nghiệm về

11/12/2014 15:30

quản lý, điều hành và đặc biệt quyết tâm gắn bó, đoàn kết trong mọi hoạt động.

• **Chiến lược công nghệ:**

Nghiên cứu, nâng cấp hạ tầng, chất lượng giao dịch: tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch, website, các dịch vụ trực tuyến và giao dịch từ xa giúp khách hàng tiện lợi trong giao dịch mọi lúc mọi nơi nhưng an toàn, nhanh chóng, phù hợp với đòi hỏi ngày càng nâng cao về chất lượng dịch vụ và an toàn cho khách hàng.

6. **Các rủi ro:**

Công ty triển khai triệt để phương án tiết giảm chi tiêu, phòng ngừa rủi ro, trong đó:

- Thực hiện quản trị rủi ro triệt để, bảo đảm hoạt động, an toàn chi tiêu tài chính cho doanh nghiệp và khách hàng.
- Không để xảy ra bất kỳ sơ suất nào ảnh hưởng hoạt động giao dịch của khách hàng và công ty
- Về rủi ro thanh toán: Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt nam. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.
- Rủi ro hoạt động:

Công ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong giai đoạn từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013 theo quyết định số 2483/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước ngày 06/05/2013 do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính”. Nếu hết thời gian trên Công ty không khắc phục được các vi phạm sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Ngày 05/09/2013, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) theo giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Một số chỉ tiêu tài chính:

KẾT QUẢ KINH DOANH	ĐVT	2014	2013
Doanh thu thuần	VNĐ	3.521.719.885	2.644.578.794
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	VNĐ	-2.368.494.045	-3.301.349.556
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	VNĐ	-2.318.461.839	-3.7483.045.378
Lợi nhuận sau thuế TNDN	VNĐ	-2.318.416.839	-3.783.045.378
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>ĐVT</b>		
Tổng Tài sản	VNĐ	34.520.605.420	29.825.129.236
Tài sản ngắn hạn	VNĐ	29.349.833.557	24.301.723.234
Tài sản dài hạn	VNĐ	5.170.771.863	5.523.406.002
Vốn điều lệ	VNĐ	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	25.106.087.462	27.424.549.304
<b>CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU TÀI SẢN</b>	<b>ĐVT</b>		
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	14,98%	18,52%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	85,02%	81,48%
<b>CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN</b>	<b>ĐVT</b>		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27,27%	8,05 %
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72,73%	91,95 %

– *Giá trị sổ sách:*

CHỈ TIÊU	ĐVT	Giá trị tại ngày 31/12/2014	Giá trị tại ngày 31/12/2013
Tổng giá trị theo sổ sách	VND	25.106.087.462	27.424.549.301
Vốn điều lệ hiện tại	VND	50.000.000.000	50.000.000.000
Mệnh giá một cổ phần	VND	10.000	10.000
Số cổ phần hiện hành (cổ phần)	VND	5.000.000	5.000.000
Thư giá/cổ phần (đồng/cổ phần)	VND	5.021	5.485

**2. Tổ chức và nhân sự:**

– *Danh sách Ban điều hành:*

**2.1. Đinh Thế Lợi – Tổng Giám đốc**

- Sinh ngày : 21/08/1980 Tại: Quảng Ninh
- Nguyên quán : Quảng Ninh
- CMND số : 29068 311 Cấp ngày 28/06/2006 tại CA. Tây Ninh
- Địa chỉ liên hệ : Phòng 402, Nhà N1, Khu 7,2ha, Vĩnh Phúc, Q.Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2006-2008	CTCK Việt Nam	Chuyên viên phân tích, tư vấn tài chính doanh nghiệp
2009-2010	CTCK APEC	Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp

2010-2013	CTCK Bảo Minh	Trưởng phòng Môi giới – Tư vấn đầu tư
2013-2014	CTCK An Bình	Trưởng phòng Tư vấn đầu tư
12/2014 đến nay	CTCK Hồng Bàng	Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 4,29 %

## 2.2. Vũ Hồng Hạnh – Phó Tổng Giám đốc TCKT và HCQT

- Sinh ngày : 21/04/1962 Tại: Hải Phòng
- Nguyên quán : Hải Phòng
- CMND số : 023848187 Cấp ngày: 12/12/2012 Tại TP HCM
- Địa chỉ liên hệ : 46 Hưng Thái 2, P. Tân Phong, Quận 7, TP HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2014 – Nay	CTCK Hồng Bàng	Phó Tổng Giám đốc TCKT và HCQT
2007 – 2012	Công ty CP CK Phương Đông	Tổng giám đốc
2003 - 2006	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Kế toán trưởng
2002 - 2003	Công ty Aden Việt Nam	Giám đốc hành chính và Tài chính
2000 - 2002	Công ty Acer Việt Nam	Giám đốc Tài chính
1994 - 2000	Công ty Liên doanh Sáng Tạo	Kế toán trưởng
1987 - 1994	Sở Thương Mại và Du lịch Đồng Nai	Chuyên viên
1984 - 1987	Công ty Xuất nhập khẩu Minh Hải	Kế toán
1983 - 1984	Trường Đại học Thương mại Hà Nội	Giảng viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 %

**2.3. Nguyễn Thị Quy – Kế toán trưởng**

- Sinh ngày : 03/09/1971      Tại: Quảng Ngãi
- Nguyên quán : Quảng Ngãi
- CMND số : 023083923      Cấp ngày: 03/04/2008      Tại: TP.HCM
- Địa chỉ liên hệ : 315/22A Lê Văn Sỹ , P.13, Q.3, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2013 – 10/2014	Công ty CP Việt Thạnh	Giám Đốc Tài Chính
2012 – 2013	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN7	Phó Phòng DVKH
2007 - 2011	CTCK Phương Đông	Kế toán trưởng
2004 - 2007	Ngân hàng TMCP Phương Đông	P.Trưởng phòng Kế toán giao dịch
2001 - 2003	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Phó phòng Kế toán tài chính
1997 - 2001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Nhân viên
12/2014 đến nay	CTCK Hồng Bàng	Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 %

**2.4. Hoàng Đình Trung – Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tư vấn TCDN**

- Sinh ngày : 20/10/1984      Tại: Bắc Ninh
- Nguyên quán : Bắc Ninh
- CMND số : 027084000041      Cấp ngày 05/06/2014 tại Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư
- Địa chỉ liên hệ : 1208 CT6C Bemes, Kiến Hưng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

11/11/2014 13:11

- Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2007-2008	CTCK Thủ Đô	Chuyên viên phân tích
2008-2011	Bộ Công Thương (TTTT Thương Mại)	Biên tập viên tài chính
2011-2012	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam	Chuyên viên quản lý tài sản
2012-2013	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển doanh nghiệp DTH Việt Nam	Trưởng phòng TCKT
2013-12/2014	CTCP Đầu tư WB-CAP	Kế toán trưởng
12/2014 – Nay	CTCK Hồng Bàng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tư vấn TCDN

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 %

- Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	Họ tên	Chức vụ	Miễn nhiệm/Bổ nhiệm
1	Lê Thị Anh Đào	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm
	Đình Thế Lợi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm
2	Quách Văn Long	Q.Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm
	Vũ Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm
	Hoàng Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tổng số Cán bộ Nhân viên (CBNV) đến thời điểm hiện nay là 22 người, trong đó Ban lãnh đạo trực tiếp làm việc tại Công ty 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc. Công ty đã ổn định được cơ cấu tổ chức, nhân sự, vận hành phù hợp với điều lệ và quy định của Pháp luật.

- Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành, chế độ đãi ngộ và phúc lợi tốt.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: -

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	29.825.129.236	34.520.605.420	16
Doanh thu thuần	2.644.578.794	3.521.719.885	33
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.301.349.556)	(2.368.494.045)	-28
Lợi nhuận khác	(481.695.822)	50.032.206	-110
Lợi nhuận trước thuế	(3.783.045.378)	(2.318.461.839)	-39
Lợi nhuận sau thuế	(3.783.045.378)	(2.318.461.839)	-39
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	10,12	10,12	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	10,12	10,12	
Nợ ngắn hạn			



<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,08	0,08	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,09	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,08	0,08	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(1,43)	(1,43)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,14)	(0,14)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,13)	(0,13)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(1,25)	(1,25)	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a) *Cổ phần:*

- Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG		TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Cổ đông trong nước	Cổ đông tổ chức	0
		Cổ đông cá nhân	100 %
2	Cổ đông nước ngoài	Cổ đông tổ chức	0
		Cổ đông cá nhân	0
3	Cổ đông Nhà nước		0
4	Cổ đông khác		0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: -

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1.1 Môi trường kinh doanh năm 2014:

Môi trường kinh doanh năm 2014 đã có tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với ngành chứng khoán.

Năm 2014 Kinh tế - xã hội Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đầy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ. Bên cạnh đó, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh. Dự báo tăng trưởng năm 2014 và 2015 của hầu hết các nền kinh tế Đông Nam Á cũng được điều chỉnh giảm.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ

BỘ SỔ SÁCH

xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp...

Nhằm tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng, các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế đã được Chính phủ triển khai đồng bộ.

Hoạt động ngân hàng trong năm 2014 tiếp tục đối mặt với những khó khăn: Tỷ lệ nợ xấu mặc dù đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, chất lượng tín dụng chưa được như mong muốn. Tuy nhiên, các chỉ tiêu đạt được trong năm qua cho thấy những tiến bộ nhất định trong việc thực hiện các chính sách tiền tệ của ngân hàng.

Mặc dù trong năm có những yếu tố vĩ mô bất lợi ảnh hưởng đến sự phát triển của TTCK như tình hình Biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh và một số điều chỉnh của chính sách tiền tệ. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 có diễn biến rất khả quan xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch và phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế. Thị trường phát triển theo chiều hướng tăng trưởng, xen kẽ những khoảng điều chỉnh giảm.

## **1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Với bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trên đã tác động làm kết quả kinh doanh công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông đã thông qua, trong đó:

- Doanh thu môi giới - giao dịch đạt 933.401.577 đồng, tăng mạnh so với năm 2013 là 179.669.578 đồng.
  - Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh vì vậy cũng tăng từ 2.644.578.794 đồng năm 2013 lên 3.521.719.885 đồng năm 2014.
  - Hoạt động tư vấn đạt 400.000.000 đồng so với 10.000.000 đồng năm 2013.
- Tuy nhiên, kết quả cuối năm công ty ghi nhận lỗ (2.318.461.839) đồng và lỗ lũy kế (24.893.912.538) đồng.

Tuy nhiên đến cuối tháng 12/2014, công ty vẫn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính :

- Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng/ Nợ điều chỉnh :	238,36%	(trên 6%)
- Giá trị Tài sản cố định/ Vốn điều lệ :	9,30%	(không vượt quá 50%)
- Tỷ lệ Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu :	0,37 lần	(không vượt quá 6 lần)
- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	3,12 lần	(trên 1 lần)

### 1.3 Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận:

Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Công ty cũng đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh ngày 05/09/2013 vốn điều lệ tăng từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Công ty đã khắc phục được tình trạng kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn chưa có xác nhận chính thức thông qua văn bản cho Công ty về việc khắc phục tình trạng bị kiểm soát đặc biệt.

### 1.4 Những tiến bộ công ty đã đạt được .

- Trong năm việc kiểm soát rủi ro đã được thiết lập và triển khai chặt chẽ, không xảy ra bất kỳ vấn đề nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng hay gián đoạn đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Công tác quan hệ cộng đồng và công bố thông tin vẫn được duy trì thường xuyên, đúng hạn lên UBCKNN, HSX, HNX, website v.v...

## 2. Tình hình tài chính:

### a) Tình hình tài sản:

Chi tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Biến động trong năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
Tiền và tương đương tiền	15.079	9.825	24.904
Đầu tư ngắn hạn	5.000	(5.000)	-
Phải thu ngắn hạn	3.324	(804)	2.520
Tài sản ngắn hạn khác	899	1.027	1.926
<b>Tài sản dài hạn</b>			
Tài sản cố định	5.037	(837)	4.650
Tài sản dài hạn khác	486	35	521
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>29.825</b>	<b>4.696</b>	<b>34.521</b>

## b) Tình hình nợ phải trả:

Chi tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Biến động trong năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
Nợ ngắn hạn	2.400	7,014	9,414
Nợ dài hạn	-	-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2.400</b>	<b>7,014</b>	<b>9,414</b>

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Hoàn thiện các qui trình nghiệp vụ, nhằm giảm thiểu rủi ro và tiết kiệm thời gian và nhân lực.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ công ty lên 100.000.000.000 đồng để tái cấu trúc công ty cũng như tăng cường xây dựng hoạt động môi giới giao dịch, nhất là đảm bảo chỉ số an toàn tài chính theo Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012.

- Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, chính sách lương thưởng, hoa hồng cho khối Môi giới-giao dịch, các dịch vụ chứng khoán nhằm phát huy tối đa năng lực và thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- Nghiên cứu, nâng cấp hạ tầng, chất lượng giao dịch: tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch, website, các dịch vụ trực tuyến và giao dịch từ xa giúp khách hàng tiện lợi trong giao dịch mọi lúc mọi nơi nhưng an toàn, nhanh chóng, phù hợp với đòi hỏi ngày càng nâng cao về chất lượng dịch vụ và an toàn cho khách hàng.
- Tiếp tục cải tiến các cơ chế thu nhập, thu hút và khuyến khích nhân sự giỏi làm việc hiệu quả và có đạo đức nghề nghiệp với khách hàng công ty.
- Tiếp tục cải tiến chất lượng các sản phẩm tư vấn, phân tích thị trường, phân tích doanh nghiệp nhằm thông tin kịp thời và hiệu quả cho khách hàng, doanh nghiệp v.v...
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro để bảo đảm hoạt động kinh doanh công ty hiệu quả nhưng vẫn an toàn và có thể phát huy hoạt động mạnh mẽ khi thị trường phục hồi.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

###### *Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:*

Môi trường kinh doanh năm 2014 đã có tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong năm 2014, HĐQT đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp và ban hành nghị quyết liên quan đến việc tái cơ cấu tổ chức công ty, các vấn đề liên quan đến tài chính- đầu tư, chính sách nhân sự v.v... nhằm đảm bảo hoạt động công ty hiệu quả và tuân thủ các quyết định của Đại hội cổ đông và điều lệ đã đưa ra.

11/2014

CHỈ TIÊU	ĐVT	2014	2013
Tổng Tài sản	VNĐ	34.520.605.420	29.825.129.236
Tổng nợ phải trả	VNĐ	9.414.517.958	2.384.579.599
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	28.106.087.462	27.424.549.301
Doanh thu thuần	VNĐ	3.521.719.885	2.644.578.794
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	VNĐ	(5.368.494.048)	(3.301.349.556)
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	VNĐ	(2.318.461.839)	(3.783.045.378)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	VNĐ	(2.318.461.839)	(3.783.045.378)

**Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Kết quả cuối năm công ty lỗ (2,318,461,839) đồng so với (3,783,045,378) đồng của 2013 và vẫn còn lỗ lũy kế (24,893,998,188) đồng.

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện
Doanh thu		3.521.719.885
Lợi nhuận		(2.318.461.839)

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**  
Ban Giám đốc đã cố gắng trong việc duy trì hoạt động kinh doanh mặc dù tình hình chung gặp rất nhiều khó khăn. Ban giám đốc luôn tuân thủ đúng Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật.
3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**  
Trong năm 2015 Hội Đồng Quản Trị sẽ tập trung vào các định hướng sau:
  - Nâng cao công tác giám sát quản trị, kiểm soát rủi ro chặt chẽ thông qua các cuộc họp thường kỳ và phát sinh trong mọi trường hợp yêu cầu.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, hạ tầng quy trình làm việc phù hợp với yêu cầu mới.
- Nghiên cứu điều chỉnh định hướng phát triển công ty thích ứng với môi trường kinh doanh đang thay đổi.
- Thực hiện tăng vốn điều lệ công ty lên 100 tỷ đồng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết (% trên VDL)	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do công ty phát hành	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Vũ Đình Hưng	CT HĐQT	4,9 %	Không	Không
2	Vũ Xuân Công	TV HĐQT	0 %	Không	Không
3	Lê Thế Việt	TV HĐQT	4,57 %	Không	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với cá quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.



STT	Các cuộc họp HĐQT	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
1	02/01/2014	Đề cử Trần Xuân Vũ phụ trách hoạt động QTRR tại HBSC	
2	15/01/2014	Sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty theo quy định tại TT210/2012/TT-BTC	
3	15/01/2014	Ban hành Quy chế và Quy trình làm việc của Ban Kiểm soát	
4	03/03/2014	Biên bản họp HĐQT tổ chức Đại hội đồng cổ đông	
5	31/03/2014	Biên bản họp HĐQT bầu chủ tịch HĐQT	
6	14/04/2014	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	
7	25/04/2014	Lựa chọn Cty Kiểm toán Việt Nhất là Cty kiểm toán BCTC trong năm 2014	
8	26/06/2014	Xem xét phương án đầu tư mua bất động sản làm trụ sở kinh doanh	
9	10/09/2014	Thu hồi toàn bộ sổ cổ đông cũ và phát hành Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của công ty	
10	26/11/2014	Từ nhiệm của TGD và KTT	
11	27/11/2014	Thông qua quyết định hủy kế hoạch mua bất động sản làm trụ sở kinh doanh	
12	27/11/2014	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT	
13	30/11/2014	Bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	
14	03/12/2014	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc - Đinh Thế Lợi	
15	18/12/2014	Tạm ứng thực hiện kế hoạch tìm kiếm, mua trụ sở Cty	
16	19/12/2014	Bổ nhiệm Phó TGD phụ trách Bộ phận Tư vấn tài chính doanh nghiệp	

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- f) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

## 2. Ban Kiểm soát:

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (tỷ lệ % trên vốn điều lệ)	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Phan Thị Hoàng Bắc	Trưởng BKS	0	Không
2	Vũ Thùy Giang	Thành viên BKS	4,50%	Không
3	Mai Văn Nam	Thành viên BKS	0	Không

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2014, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Hồng Bàng tham gia giám sát và đề xuất các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty cụ thể như:

- ✓ Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 và kế hoạch kinh doanh năm 2014.
- ✓ Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014
- ✓ Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.
- ✓ Giám sát việc tuân thủ các quy chế, qui định của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành hai đợt kiểm tra, kiểm soát định kỳ tình hình chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của công ty. Qua các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra tính hợp lý,

hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính của công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

a) *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

Từ khi hoạt động đến nay Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận bất kỳ khoản thù lao nào.

Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc được chi trả dựa trên Hợp đồng lao động và Quy chế lương của Công ty.

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

STT	Người chuyển nhượng	Chức danh	Ngày chuyển nhượng	Loại GD	Số CP chuyển nhượng	Số lượng CP nắm giữ sau GD
1	Vũ Đình Hưng	Chủ tịch HĐQT	27/11/2014	Mua CK	245.000	245.000
2	Lê Thế Việt	Thành viên HĐQT	27/11/2014	Mua CK	228.572	228.572
3	Đình Thế Lợi	Tổng GD	27/11/2014	Mua CK	214.286	214.286
4	Vũ Thùy Giang	Thành viên BKS	27/11/2014	Mua CK	225.000	225.000

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công tác giám sát quản trị, kiểm soát rủi ro được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ thông qua các cuộc họp thường kỳ và phát sinh trong mọi trường hợp yêu cầu.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

a) *Kiểm toán độc lập:*

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

- **Ý kiến của kiểm toán viên :**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo này vấn đề sau:

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà Công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Đại Hội cổ đông bất thường đã thông qua nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn điều lệ. Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh ngày 05/09/2013 vốn điều lệ tăng từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Công ty đã khắc phục được tình trạng kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn chưa có xác nhận chính thức thông qua văn bản cho Công ty về việc khắc phục tình trạng bị kiểm soát đặc biệt.

**b) Kiểm toán nội bộ:**

- **Ý kiến kiểm toán nội bộ:**

- Đến hết năm 2014, kiểm toán nội bộ không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của HBSC. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ.

Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

**CTCP Chứng khoán Hồng Bàng**

**Người đại diện theo pháp luật**



**ĐINH THẾ LỢI**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	<i>TRANG</i>
BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Mẫu số B01-CTCK)	05-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Mẫu số B02-CTCK)	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Mẫu số B03-CTCK)	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mẫu số B05-CTCK)	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Mẫu số B09-CTCK)	12-24



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Đình Hưng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Vũ Xuân Công	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Lê Thế Việt	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Hoàng Việt Duy	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Diệp Đậu Hùng	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Trần Xuân Vũ	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)

**Ban kiểm soát**

Bà Phan Thị Hoàng Bắc	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Bà Vũ Thúy Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Mai Văn Nam	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Bà Huỳnh Như Hạnh Nguyễn	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Bà Trần Ái Huệ	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Đinh Thế Lợi	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 03/12/2014)
Bà Vũ Hồng Hạnh	Phó tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 05/12/2014)
Ông Hoàng Đình Trung	Phó tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/12/2014)
Bà Lê Thị Anh Đào	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 27/11/2014)
Ông Quách Văn Long	Quyền Phó tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2015)

12/05/2015

12/05/2015



**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



**Đinh Thế Lợi**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 23 tháng 03 năm 2015*

11/03/2015 14:11

Số: 261/BCKT2014-DFK

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

12/10/2015 09:11 AM  
IG  
EM  
TC  
FK  
N

**Vấn đề cần nhấn mạnh:**

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà Công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Đại Hội cổ đông bất thường đã thông qua nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn điều lệ. Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh ngày 05/09/2013 vốn điều lệ tăng từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Công ty đã khắc phục được tình trạng kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn chưa có xác nhận chính thức thông qua văn bản cho Công ty về việc khắc phục tình trạng bị kiểm soát đặc biệt.



**NGUYỄN LƯƠNG NHÂN**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0182-2013-042-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2015

**ĐẶNG THỊ THÚY TRANG**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2063-2013-042-1

TRANG 4/24

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.349.833.557</b>	<b>24.301.723.234</b>
(100=110+120+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>24.903.550.422</b>	<b>15.079.343.868</b>
1. Tiền	111		12.903.550.422	2.779.343.868
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	12.300.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>2.519.823.316</b>	<b>3.323.474.476</b>
1. Phải thu khách hàng	131		400.000.000	2.830.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		-	474.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		145.556.649	16.000.336
5. Các khoản phải thu khác	138		1.974.266.667	3.474.140
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>6</b>	<b>1.926.459.819</b>	<b>898.904.890</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		226.556.780	827.956.773
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		17.687.150	17.918.117
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.682.215.889	53.030.000

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			31/12/2014	31/12/2013
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.170.771.863</b>	<b>5.523.406.002</b>
<b>(200 = 210+220+240+250+260)</b>				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>7</b>	<b>4.649.415.914</b>	<b>5.037.120.758</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1.768.741.392	2.132.215.413
- Nguyên giá	222		3.377.412.647	3.377.412.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.608.671.255)	(1.245.197.234)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.880.674.522	2.904.905.345
- Nguyên giá	228		5.551.457.400	4.952.957.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.670.782.878)	(2.048.052.055)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>521.355.949</b>	<b>486.285.244</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.065.969	6.065.969
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	<b>8</b>	235.009.980	199.939.275
4. Tài sản dài hạn khác	268		280.280.000	280.280.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>34.520.605.420</b>	<b>29.825.129.236</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này .

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>9.414.517.958</b>	<b>2.400.579.935</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>9</b>	<b>9.414.517.958</b>	<b>2.400.579.935</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		33.948.162	5.955.673
5. Phải trả người lao động	315		-	17.051.218
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		871.095.000	306.100.000
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		5.183.135	4.238.650
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		8.504.291.661	2.067.234.394
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>10</b>	<b>25.106.087.462</b>	<b>27.424.549.301</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>25.106.087.462</b>	<b>27.424.549.301</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(24.893.912.538)	(22.575.450.699)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>34.520.605.420</b>	<b>29.825.129.236</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này :

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị : VND	
	31/12/2014	31/12/2013
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	220.900.550.000	101.173.555.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	217.492.650.000	100.398.480.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	510.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	449.400.000	235.000.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	2.958.500.000	30.075.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-

*Hoàng*  
Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu

*Quy*  
Nguyễn Thị Quy

Kế toán trưởng



*Đinh Thế Lợi*  
Đinh Thế Lợi  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

10/1/2015 02:45:10

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**

**B02-CTCK**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>11</b>	<b>3.521.719.885</b>	<b>2.644.578.794</b>
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		933.303.302	179.669.578
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		400.000.000	10.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		2.188.416.583	2.454.909.216
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>3.521.719.885</b>	<b>2.644.578.794</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>3.262.960.018</b>	<b>2.732.867.034</b>
<b>5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>258.759.867</b>	<b>(88.288.240)</b>
<b>6. Chi phí quản lý</b>	<b>25</b>	<b>13</b>	<b>2.627.253.912</b>	<b>3.213.061.316</b>
<b>7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>(2.368.494.045)</b>	<b>(3.301.349.556)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>50.032.206</b>	<b>136.790.997</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>-</b>	<b>618.486.819</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>50.032.206</b>	<b>(481.695.822)</b>
<b>11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.318.461.839)</b>	<b>(3.783.045.378)</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(2.318.461.839)</b>	<b>(3.783.045.378)</b>

  
Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Quy

Kế toán trưởng



  
 Đinh Thế Lợi  
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



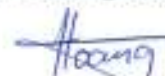
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

B03-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(2.318.461.839)	(3.783.045.378)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		986.204.844	1.217.663.882
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(939.559.929)	(133.213.307)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.271.816.924)	(2.698.594.803)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.299.303.762)	(2.516.135.775)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.978.867.318	(849.174.416)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		601.399.993	(285.302.146)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.046.346.300
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(98.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.009.146.625</b>	<b>(5.400.860.840)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(124.500.000)	(446.270.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	116.790.910
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		939.559.929	634.909.216
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.815.059.929</b>	<b>(4.694.569.874)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH			-	15.000.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>15.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>9.824.206.554</b>	<b>4.904.569.286</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.079.343.868	10.174.774.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.909.550.422	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>24.909.550.422</b>	<b>15.079.343.868</b>

  
 Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Quy

Kế toán trưởng



Đinh Thế Lợi  
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

B05-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu		Số tăng/giảm				Số dư cuối	
		01/01/2013	01/01/2014	Năm 2013		Năm 2014		31/12/2013	31/12/2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	50.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(18.792.405.321)	(22.575.450.699)	-	(3.783.045.378)	-	(2.318.461.839)	(22.575.450.699)	(24.893.912.538)
<b>Cộng</b>		<b>16.207.594.679</b>	<b>27.424.549.301</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>(3.783.045.378)</b>		<b>(2.318.461.839)</b>	<b>27.424.549.301</b>	<b>25.106.087.462</b>

  
 Nguyễn Huy Hoàng  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Quy  
 Kế toán trưởng



Đình Thế Lợi  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 23 tháng 03 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm.***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng được thành lập theo Giấy phép số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK ngày 23/09/2011. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25/03/2009 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09/10/2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2013 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 VND

Vốn pháp định : 35.000.000.000 VND

Trụ sở chính : Lầu 1, số 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**2.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**2.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Vật kiến trúc	05
Thiết bị văn phòng	03 - 05

**2.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Phần mềm quản lý**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

**2.8 Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**2.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

**2.10 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp**

• Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8%.

• Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.

• Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

**2.11 Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**2.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận

**2.13 Chi phí thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## 3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm ( VND)
Của nhà đầu tư		
<i>Cổ phiếu</i>	28.913.214	671.469.873.600
<i>Chứng khoán khác</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.913.214</b>	<b>671.469.873.600</b>

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	12.903.550.422 (a)	2.779.343.868
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000 (b)	12.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.903.550.422</b>	<b>15.079.343.868</b>

(a) Trong đó :

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi của Công ty	6.144.160.305	366.577.949
Tiền gửi của nhà đầu tư	6.759.390.117	2.412.765.919
<b>Cộng</b>	<b>12.903.550.422</b>	<b>2.779.343.868</b>

(b) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng TMCP Phương Đông	12.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	12.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.300.000.000</b>

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	400.000.000 (a)	2.830.000.000
Trả trước cho người bán	-	474.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	145.556.649	16.000.336
Các khoản phải thu khác	1.974.266.667 (b)	3.474.140
<b>Cộng</b>	<b>2.519.823.316</b>	<b>3.323.474.476</b>

(a) Phải thu khách hàng là các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(b) Bao gồm các khoản phải thu sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	24.266.667	-
Phải thu các khoản đúng trung gian cho vay tiền	1.950.000.000	-
Khác	-	3.474.140
<b>Cộng</b>	<b>1.974.266.667</b>	<b>3.474.140</b>

## 6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	226.556.780	827.956.773
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	17.687.150	17.918.117
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa</i>	-	9.497.117
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa</i>	17.687.150	-
<i>Các loại thuế khác</i>	-	8.421.000
Tạm ứng của nhân viên Công ty	1.682.215.889 (*)	53.030.000
<b>Cộng</b>	<b>1.926.459.819</b>	<b>898.904.890</b>

(\*) Trong đó khoản tạm ứng với số tiền 1.546.000.000 đồng của bà Vũ Hồng Hạnh về việc mua trụ sở mới theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 11.1-2014/NQ-HĐQT ngày 18/12/2014. Tuy nhiên, việc mua trụ sở không được thực hiện nên khoản tạm ứng này đã được hoàn lại vào ngày 29/01/2015.

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TSCĐ hữu hình	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.144.675.176	232.737.471	3.377.412.647
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	3.144.675.176	232.737.471	3.377.412.647
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.131.075.813	114.121.422	1.245.197.234
Tăng trong năm	334.388.073	29.085.948	363.474.021
<i>Khấu hao</i>	334.388.073	29.085.948	363.474.021
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.465.463.886	143.207.370	1.608.671.255
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	2.013.599.364	118.616.050	2.132.215.413
Số dư cuối năm	1.679.211.291	89.530.102	1.768.741.392

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

TSCĐ vô hình	Phần mềm quản lý	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
Tăng trong năm	598.500.000	-	598.500.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	5.516.435.400	35.022.000	5.551.457.400
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.033.824.364	14.227.691	2.048.052.055
Tăng trong năm	618.353.067	4.377.756	622.730.823
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.652.177.431</b>	<b>18.605.447</b>	<b>2.670.782.878</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	2.884.111.036	20.794.309	2.904.905.345
Số dư cuối năm	2.864.257.969	16.416.553	2.880.674.522

## 8. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	60.831.667	60.831.667
Tiền lãi phân bổ hàng năm	54.178.313	19.107.608
<b>Cộng</b>	<b>235.009.980</b>	<b>199.939.275</b>

## 9. NỢ NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.948.162	5.955.673
<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	272.727	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	33.675.435	5.955.673
Phải trả người lao động	-	17.051.218
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	871.095.000	306.100.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	5.183.135	4.238.650
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.504.291.661 (*)	2.067.234.394
<b>Cộng</b>	<b>9.414.517.958</b>	<b>2.400.579.935</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(*) Bao gồm		
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	6.543.847.911	2.031.024.371
Bảo hiểm, kinh phí công đoàn phải nộp, khác	10.443.750	36.210.023
Phải trả các khoản đứng trung gian cho vay tiền	1.950.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.504.291.661</b>	<b>2.067.234.394</b>

## 10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	(18.792.405.321)	16.207.594.679
Tăng vốn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(3.783.045.378)	(4.024.293.796)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	(22.575.450.699)	27.424.549.301
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(2.318.461.839)	(2.318.461.839)
Số dư cuối năm	50.000.000.000	(24.893.912.538)	25.106.087.462

## Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

## 11. DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu môi giới chứng khoán niêm yết	933.303.302	179.669.578
Doanh thu khác	2.588.416.583	2.464.909.216
<i>Doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	<i>13.785.949</i>	<i>5.396.546</i>
<i>Doanh thu tư vấn và môi giới chuyển nhượng CP</i>	<i>1.600.000.000</i>	<i>2.040.000.000</i>
<i>Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>939.559.929</i>	<i>414.012.670</i>
<i>Khác</i>	<i>35.070.705</i>	<i>5.500.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.521.719.885</b>	<b>2.644.578.794</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## 12. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	458.363.355	750.047.817
Chi phí nhân viên	749.595.819	808.728.171
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí phân bổ	1.078.491.281	142.894.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	969.014.844	1.028.560.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.494.719	2.636.066
<b>Cộng</b>	<b>3.262.960.018</b>	<b>2.732.867.034</b>

## 13. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên quản lý	1.248.944.132	1.343.270.796
Chi phí đồ dùng văn phòng	214.154.479	20.460.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.190.000	189.103.424
Thuế, phí và lệ phí	22.825.281	53.614.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.597.743	1.549.492.293
Chi phí bằng tiền khác	131.542.277	57.119.707
<b>Cộng</b>	<b>2.627.253.912</b>	<b>3.213.061.316</b>

## 14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(2.318.461.839)	(3.783.045.378)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế		
Chuyển lỗ các năm trước		
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
<b>Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (năm 2013: 25%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**15. NGHIỆP VỤ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Cổ đông và các thành viên chủ chốt điều hành được xem là các bên có liên quan với Công ty

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau :

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Bà Vũ Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng theo quyết định hội đồng quản trị về việc tìm trụ sở mới	1.546.000.000

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau :

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Bà Vũ Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Phải thu tạm ứng	1.546.000.000

**16. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám Đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám Đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng của rủi ro liên quan đến giá thị trường là rủi ro lãi suất. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty và các công ty con theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với ngân hàng là thấp.

*Các công cụ tài chính khác*

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám Đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Đơn vị tính: VND			
	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2014</b>				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-
Chi phí phải trả chi phí trích trước khác	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	-	9.365.477.511	-	9.365.477.511
	-	<b>9.365.477.511</b>	-	<b>9.365.477.511</b>
<b>Ngày 31/12/2013</b>				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	-	2.361.350.236	-	2.361.350.236
	-	<b>2.361.350.236</b>	-	<b>2.361.350.236</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tiếp tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Các khoản vay ngân hàng được ghi nhận theo phương pháp chiết khấu sử dụng tỷ lệ lãi suất thực tế. Việc xác định giá trị chiết khấu có tính đến các chiết khấu hoặc phụ trội cũng như các khoản phí hoặc chi phí khác là một phần không thể tách rời của lãi suất thực tế.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		31/12/2013		31/12/2014	31/12/2013
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền gửi ngân hàng	12.000.000.000	-	17.300.000.000	-	12.000.000.000	17.300.000.000
Phải thu khách hàng	400.000.000	-	2.830.000.000	-	400.000.000	2.830.000.000
Phải thu khác và phải thu hoạt động chứng khoán	2.119.823.316	-	19.474.476	-	2.119.823.316	19.474.476
Tiền	12.903.550.422	-	2.779.343.868	-	12.903.550.422	2.779.343.868
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.423.373.738</b>	<b>-</b>	<b>22.928.818.344</b>	<b>-</b>	<b>27.423.373.738</b>	<b>22.928.818.344</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	-	-	-	-	-
Phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	9.365.477.511	-	2.361.350.236	-	9.365.477.511	2.361.350.236
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.365.477.511</b>	<b>-</b>	<b>2.361.350.236</b>	<b>-</b>	<b>9.365.477.511</b>	<b>2.361.350.236</b>

**17. Thay đổi chủ sở hữu**

Trong năm 2014, các cổ đông cũ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho các cổ đông mới, việc thay đổi chủ sở hữu đã hoàn tất trong năm 2014 và Công ty đang thực hiện thay đổi giấy phép kinh doanh.

**18. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính.

  
Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Quy

Kế toán trưởng



**Đinh Thế Lợi**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

